| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN**<br>**TỈNH BẮC GIANG** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số:32/2021/HNGĐ-ST
Ngày 30-7-2021
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN, TỈNH BẮC GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
*Thẩm phán - chủ toạ phiên toà*: Bà Đoàn Thị Oanh
*Các Hội thẩm nhân dân:*
Ông Giáp Hồng Thanh
Ông Nguyễn Quốc Sửu
***Thư ký phiên tòa:*** Ông Phạm Văn Nam - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.
***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 118/2021/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2021 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 139/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1989 (có đơn xin vắng mặt)
Nơi cư trú: thôn Ng, xã Ng, huyện T, tỉnh B.
* *Bị đơn*: Anh Lê Văn H, sinh năm 1988 (có đơn xin vắng mặt)
Nơi cư trú: thôn Ng, xã Ng, huyện T, tỉnh B.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị D trình bày:

Chị và anh Lê Văn H kết hôn tháng 9 năm 2011, trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND xã Ng, huyện T, tỉnh B. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến năm 2014 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, quan điểm làm ăn kinh tế, vợ chồng không có tiếng nói chung. Đến tháng 10 năm 2020 vợ chồng sống ly thân, anh chị không quan tâm chăm sóc nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Về con chung: anh chị có 02 con chung là Lê Minh Kh, sinh ngày 20/4/2012 và Lê Minh Th, sinh ngày 01/3/2018, hiện nay cháu Kh đang ở với anh H, cháu Th đang ở với chị. Ly hôn chị xin được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Th, anh H tiếp tục nuôi dưỡng cháu Kh. Chị và anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại phiên toà chị D vắng mặt.

Tại bản tự khai và biên bản ghi lời ngày 29/6/2021, bị đơn là anh Lê Văn H trình bày: anh và chị D kết hôn năm 2011, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ng, huyện T. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại thôn Ng, xã Ng. Đến năm 2015, vợ chồng phát sinh mâu thẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, vợ chồng sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân không quan tâm gì đến nhau. Nay anh H thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị D xin ly hôn, anh đồng ý ly hôn với chị D.

Về con chung: vợ chồng anh có 02 con chung là Lê Minh Kh, sinh ngày 20/4/2012 và Lê Minh Th, sinh ngày 01/3/2018, hiện cháu Kh đang ở với anh, cháu Th đang ở với chị D. Vợ chồng ly hôn anh xin nuôi cháu Kh, để chị D nuôi cháu Th. Anh và chị D không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại phiên toà anh H vắng mặt.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đảm bảo theo quy định.

Đối với những người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên tòa chị D, anh H có đơn xin vắng mặt.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn. Xử cho chị Nguyễn Thị D được ly hôn anh Lê Văn H.

Về con chung: giao con chung là Lê Minh Th, sinh ngày 01/3/2018 cho chị Nguyễn Thị D nuôi dưỡng, giao con chung là Lê Minh Kh, sinh ngày 20/4/2012 cho anh H nuôi dưỡng. Anh H, chị D không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về án phí: chị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Xác nhận chị D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án và thẩm tra chứng cứ tại phiên toà, sau khi nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết, thủ tục tố tụng: chị D khởi kiện yêu cầu ly hôn và giải quyết về con chung với anh H có nơi cư trú tại thôn Ng, xã Ng, huyện T, tỉnh B. Tòa án nhân dân huyện T đã thụ lý giải vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình là đúng pháp luật, đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành hòa giải nhưng không thành nên đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định.

Tại phiên tòa, chị D, anh H vắng mặt nhưng chị D, anh H có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị D và anh H kết hôn tháng 9 năm 2011 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ng, huyện T nên hôn nhân giữa anh chị là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị đã có thời gian chung sống hạnh phúc. Đến năm 2014, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, quan điểm làm ăn kinh tế, vợ chồng không có tiếng nói chung. Nay chị D xác định không còn tình cảm với anh H và yêu cầu ly hôn, anh H đồng ý ly hôn với chị D. Hội đồng xét xử thấy: mâu thuẫn giữa chị D và anh H đã trầm trọng, đời sống chung thực tế không còn tồn tại từ năm 2020 cho đến nay, mục đích hôn nhân không đạt được, anh chị đều đề nghị được ly hôn. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần xử cho chị D ly hôn anh H là phù hợp.

[3] Về con chung: anh chị có 02 con chung là Lê Minh Kh, sinh ngày 20/4/2012 và Lê Minh Thư, sinh ngày 01/3/2018. Vợ chồng ly hôn, chị D, anh H đồng ý để chị D nuôi cháu Th, anh H nuôi cháu Kh, chị D, anh H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Hiện nay chị D đi làm công nhân thu nhập hơn 9.000.000 đồng/ tháng. Anh H làm nghề tự do thu nhập khoảng từ 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng/ tháng, chị D, anh H đủ điều kiện để nuôi dưỡng con chung. Tại biên bản làm việc với chính quyền địa phương xác nhận vợ chồng chị D, anh H có 02 con chung, hiện cháu Kh đang ở với anh H, cháu Th đang ở với chị D, hai cháu phát triển bình thường về thể chất và tinh thần. Tại bản tự khai cháu Kh có nguyện vọng ở với anh H. Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử cần giao cháu Th cho cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng, giao cháu Kh cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Do chị D, anh H tự nguyện không yêu cầu phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau nên không buộc chị D, anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn chị D, anh H có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở chị D, anh H thực hiện quyền này theo quy định tại khoản 1, 3 điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: chị D, anh H không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: chị D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 146; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị D được ly hôn anh Lê Văn H.

2.Về con chung: giao cho chị Nguyễn Thị D nuôi dưỡng con chung là Lê Minh Th, sinh ngày 01/3/2018, anh H nuôi dưỡng con chung là Lê Minh Kh, sinh ngày 20/4/2012. Chị D, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Sau khi ly hôn chị D, anh H có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị D, anh H thực hiện quyền này.

3. Về án phí: chị Nguyễn Thị D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Được trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0000300 ngày 11 tháng 5 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Xác nhận chị Nguyễn Thị D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn, bị đơn vắng mặt quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án./.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện T;
- CCTHADS huyện T;
- UBND xã Ng;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Đoàn Thị Oanh**